



DAG
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Trụ sở chính: Lô 1, CN5, Cụm CN Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội
VPGD: Tầng 9, Tháp Tây, Hancop Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04 3793 8686 * Fax: 04 3793 8181
Website: www.dag.com.vn * Email: info@dag.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ
Quý II Năm 2015

HÀ NỘI, THÁNG 08 - 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		407,310,736,686	286,070,759,218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3,061,158,324	321,823,331
1. Tiền	111		3,061,158,324	321,823,331
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	122		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		386,490,867,862	254,148,050,300
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	35,531,136,209	13,750,677,721
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	21,011,370,285	17,254,588,911
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136		331,777,702,881	224,972,125,181
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(1,829,341,513)	(1,829,341,513)
IV. Hàng tồn kho	140		17,581,965,159	31,424,140,246
1. Hàng tồn kho	141	V.5	17,581,965,159	31,424,140,246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176,745,341	176,745,341
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.6	176,745,341	176,745,341
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162,958,920,273	146,380,781,162
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		964,433,691	95,401,386
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	215	V.7	964,433,691	95,401,386
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5,700,344,113	6,474,197,235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5,700,344,113	6,474,197,235
<i>Nguyên giá</i>	222		13,360,681,712	13,360,681,712
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7,660,337,599)	(6,886,484,477)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		387,972,800	387,972,800
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(387,972,800)	(387,972,800)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	4,920,646,652	4,920,646,652
<i>Nguyên giá</i>	231		5,214,306,300	5,214,306,300
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(293,659,648)	(293,659,648)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		54,336,924,940	37,417,501,530
Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng dở dang	242		54,336,924,940	37,417,501,530
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		96,646,948,102	96,646,948,102
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	98,000,000,000	98,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11	(1,353,051,898)	(1,353,051,898)
V. Tài sản dài hạn khác	260		389,622,775	826,086,257
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	389,622,775	826,086,257
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		570,269,656,959	432,451,540,380

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CNS, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		350,410,985,189	291,381,114,731
I. Nợ ngắn hạn	310		294,610,916,521	234,573,896,073
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.13	241,249,380,077	190,168,763,803
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.14	17,989,721,331	15,040,208,656
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	5,968,691,459	310,007,119
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	395,712,344	229,593,356
5. Phải trả người lao động	315		396,659,408	176,894,837
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	1,528,676,042	1,468,676,042
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện	319		40,000,000	111,350,272
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	320	V.18	27,042,075,860	27,068,401,988
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		55,800,068,668	56,807,218,658
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336	V.19	30,000,000	30,000,000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	V.20	2,270,068,668	3,277,218,658
8. Trái phiếu chuyển đổi	338	V.21	53,500,000,000	53,500,000,000
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		219,858,671,770	141,070,425,649
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	219,858,671,770	141,070,425,649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		190,000,000,000	137,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,188,021,439	4,050,070,500
4. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	414		(860,000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	417		9,337,748,287	1,729,177,382
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	418		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,217,380,909	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10,116,381,135	(2,208,822,233)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B 01-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		570,269,656,959	432,451,540,380

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phí Thị Thúy Hà

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	62,976,970,326	47,985,256,236	107,892,236,191	82,421,385,100
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		62,976,970,326	47,985,256,236	107,892,236,191	82,421,385,100
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	60,512,579,536	47,041,798,167	104,837,568,457	80,865,305,876
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2,464,390,790	943,458,069	3,054,667,734	1,556,079,224
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	29,928,349,381	23,389,306,601	29,929,970,933	23,390,629,251
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,064,824,321	574,517,828	1,600,481,753	689,021,300
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,004,828,182	570,557,427	1,540,485,614	685,060,899
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	(256,931,485)	(211,579,206)	373,847,395	717,074,996
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	(1,377,690,328)	1,070,331,378	673,181,756	3,406,810,345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32,962,537,663	22,899,494,670	30,337,127,763	20,133,801,834
11. Thu nhập khác	31	VI.7	190,496	7,361,249	45,588,689	40,798,281
12. Chi phí khác	32	VI.8	(10,963,893)	161,766	34,434,300	161,766
13. Lợi nhuận khác	40		11,154,389	7,199,483	11,154,389	40,636,515
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32,973,692,052	22,906,694,153	30,348,282,152	20,174,438,349

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)

Mẫu số B02-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32,973,692,052	22,906,694,153	30,348,282,152	20,174,438,349

Người lập biểu

Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CNS, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số B03-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh						
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		67,429,589,868	121,741,342,000	102,054,467,868	150,724,044,921
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(80,381,125,968)	(30,598,622,235)	(110,771,896,132)	(81,790,123,415)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,127,652,980)	(1,194,455,675)	(1,937,952,538)	(2,167,387,939)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(791,328,182)	(570,557,427)	(1,540,485,614)	(685,060,899)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		72,795,963	-	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		27,514,262	1,411,884,206	217,483,474	2,596,773,338
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(67,391,795,683)	(89,170,131,795)	(74,936,626,632)	(90,108,309,401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(82,162,002,720)	1,619,459,074	(86,915,009,574)	(21,430,063,395)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8,337,761,529)	(1,533,600,040)	(10,297,022,022)	(3,745,467,440)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,359,521	2,737,528	10,359,521	2,737,528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8,327,402,008)	(1,530,862,512)	(10,286,662,501)	(3,742,729,912)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Mẫu số B03-DN (BH theo TT 200/2014/TT-BTC)

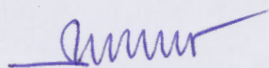
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		49,928,396,923	-	49,928,396,923	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(860,000)	-	(860,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		129,809,414,166	63,081,494,554	267,811,041,055	145,303,117,178
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(86,223,093,726)	(63,303,957,081)	(216,790,420,920)	(129,217,276,487)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1,007,149,990)	(823,543,943)	(1,007,149,990)	(1,647,087,886)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36					(62,480,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92,506,707,373	(1,046,006,470)	99,941,007,068	14,376,272,805
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2,017,302,645	(957,409,908)	2,739,334,993	(10,796,520,502)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,043,855,679	1,363,361,196	321,823,331	11,202,471,790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3,061,158,324	405,951,288	3,061,158,324	405,951,288

Người lập biểu



Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Bá Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV-ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 08 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 07 năm 2015 thì vốn điều lệ của Công ty là: **190.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các thiết bị ngành nhựa, ngành điện công nghiệp và dân dụng, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng aranium và quặng thorium (Chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chỉ gồm có: Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê đất, cho thuê mặt bằng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật)
- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở; Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (84-4) 3.793.8686 Fax: (84-4) 3.793.8181

4. Chu kỳ sản xuất thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của sản phẩm thuộc ngành sản xuất và kinh doanh nhựa thường là 7 ngày. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các công trình lắp đặt cửa thường kéo dài 7 ngày đến 2 năm

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Trong kỳ doanh nghiệp có hoàn thành việc tăng vốn chủ sở hữu từ 137.5 tỷ lên 190 tỷ

Danh sách các công ty con của Công ty

- Số lượng công ty con: 3 công ty
- Số lượng công ty con được : 3 công ty

1. Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2. Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
3. Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc xác nhận lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Đối với chứng khoán kinh doanh

Thời điểm ghi nhận đối với chứng khoán niêm yết được xác định là thời điểm doanh nghiệp chuyển tiền đầu tư. Giá trị ghi sổ là giá gốc. Dự phòng các khoản đầu tư được lập cho từng mã chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách kế toán. Giá trị thị trường là căn cứ để trích lập các khoản đầu tư chứng khoán.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá gốc

c. Đối với các khoản cho vay

Giá trị ghi sổ của các khoản cho vay là giá gốc, căn cứ để ghi nhận khoản cho vay là hợp đồng cho vay và chứng từ chuyển tiền

d. Đối với đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Đối với các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được mua trong kỳ, thời điểm ghi nhận khoản đầu tư là thời điểm doanh nghiệp chuyển tiền đầu tư, kế toán đối các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết tuân thủ theo chuẩn mực kế toán kinh doanh đối với công ty con được mua trong kỳ và chuẩn mực kế toán đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các đơn vị này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty/Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Tăng giảm các khoản dự phòng các khoản đầu tư này được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí

d. Đầu tư vào các công cụ vốn của các đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- *Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:* Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao <năm></u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	3-7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4-5

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Phần mềm kế toán Effect

4

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Máy móc thiết bị

6-10

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

3-8 năm

7.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND và Lô đất 480m² theo QĐ số 4110/QĐ-STC-19/09 do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp.

8. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

9. Nguyên tắc kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại đơn vị chủ yếu là các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 1 đến 3 năm.

11. Nguyên tắc kế toán công nợ phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua. Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn), nợ phải trả thuê tài chính của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng đối với các hợp đồng thuê mặt bằng, trích trước chi phí phải trả tiền thuê nhà, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam,... . Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Là khoản khách hàng ứng tiền trước để thực hiện một số hợp đồng sản xuất cửa nhựa và cửa nhôm, dự án thường kéo dài từ 6 tháng đến 1 năm

17. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành được phân loại là khoản công nợ phải trả. Lãi trái phiếu phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Doanh thu của Công ty bao gồm: doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại được ghi nhận căn cứ vào chính sách bán hàng tại thời điểm và ghi nhận vào hóa đơn giá trị gia tăng

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ lắp đặt được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính tại đơn vị bao gồm chi phí lãi vay; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền tệ có nguồn gốc ngoại tệ, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

24. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

25. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

25.1 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Khu Công nghiệp Hà Nam - Dự án Công ty TNHH nhựa Đông Á được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

25.2 Các nghĩa vụ về thuế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	655,528,095	9,723,829
Tiền gửi ngân hàng	2,405,630,229	297,139,011
Tổng cộng	3,061,158,324	306,862,840

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

a. Ngắn hạn

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương	304,042,326		498,863,006	
Các đối tượng khác	331,473,660,555		224,473,262,175	
Tổng cộng	331,777,702,881	-	224,972,125,181	-

b. Dài hạn

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cầm cố ký cược ký quỹ	964,433,691		95,401,386	
Tổng cộng	964,433,691	-	95,401,386	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

3. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	610,931,295		1,767,736,113	
Thành phẩm				
Hàng hoá	16,971,033,864		29,656,404,133	
Tổng cộng	17,581,965,159		31,424,140,246	

4. Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	30/6/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Khả năng có thể thu hồi	Giá gốc	Khả năng có thể thu hồi
Mua sắm tài sản CĐ			1,677,860,140	
Xây dựng CB dở dang	54,336,924,940	54,336,924,940	35,739,641,390	35,739,641,390
Hệ thống nhà xưởng và máy móc ở Hà Nam	54,336,924,940	54,336,924,940	35,739,641,390	35,739,641,390
Tổng cộng	54,336,924,940	54,336,924,940	37,417,501,530	35,739,641,390

6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2015	12,090,228,219	1,270,453,493	13,360,681,712
Mua trong kỳ			
Số dư ngày 30/06/2015	12,090,228,219	1,270,453,493	13,360,681,712
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2015	5,989,210,904	897,273,573	6,886,484,477
Khấu hao trong kỳ	637,457,502	136,395,620	773,853,122
Số dư ngày 30/06/2015	6,626,668,406	1,033,669,193	7,660,337,599
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2015	6,101,017,315	373,179,920	6,474,197,235
Tại ngày 30/06/2015	5,463,559,813	236,784,300	5,700,344,113

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.925.251.908 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	387,972,800	387,972,800
Mua trong kỳ	-	-
Số dư ngày 30/06/2015	387,972,800	387,972,800
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	387,972,800	387,972,800
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư ngày 30/06/2015	387,972,800	387,972,800
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 30/06/2015	-	-

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	30/06/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 01/01/2015
Nguyên giá	5,214,306,300	-	-	5,214,306,300
Quyền sử dụng đất	5,214,306,300	-	-	5,214,306,300
Giá trị hao mòn lũy kế	293,659,648	-	-	293,659,648
Quyền sử dụng đất	293,659,648	-	-	293,659,648
Giá trị còn lại	4,920,646,652	-	-	4,920,646,652
Quyền sử dụng đất	4,920,646,652	-	-	4,920,646,652

9. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	389,622,775	826,086,257
Tổng cộng	389,622,775	826,086,257

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

10. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	30/06/2015		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2015	
	Giá trị	Khả năng chi trả			Giá trị	Khả năng chi trả
a. Vay ngắn hạn	241,249,380,077	241,249,380,079	267,871,037,194	216,790,420,918	190,168,763,803	190,168,763,803
NH TMCP Quân Đội (1)	17,066,985,748	17,066,985,748	59,996,139	6,717,573,057	23,724,562,666	23,724,562,666
NH TMCP Ngoại thương VN (2)	207,390,748,228	207,390,748,228	251,019,394,954	186,750,018,452	143,121,371,726	143,121,371,726
NH TNHH MTV Shinhan (3)	9,950,445,924	9,950,445,924	9,950,445,924	9,897,950,843	9,897,950,843	9,897,950,843
NH Việt Nam Thịnh Vượng (4)	6,841,200,177	6,841,200,179	6,841,200,177	13,424,878,566	13,424,878,568	13,424,878,568

b. Nợ thuê tài chính (5)

Thời hạn	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015			Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014		
	Tổng thanh toán thuê TC	Trả lãi	Trả nợ gốc	Tổng thanh toán khoản thuê TC	Trả lãi	Trả nợ gốc
Từ 1 đến 5 năm	1,158,114,733	150,964,743	1,007,149,990	1,865,398,646	218,310,760	1,647,087,886
Cộng	1,158,114,733	150,964,743	1,007,149,990	1,865,398,646	218,310,760	1,647,087,886

11. Trái phiếu phát hành (6)

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Mệnh giá	53,500,000,000	6%	3 năm	53,500,000,000	6%	3 năm
Công ty Liên doanh Shide Việt Nam	13,500,000,000	6%	3 năm	13,500,000,000	6%	3 năm
Japan South East Asia Growth Fund L.P	40,000,000,000	6%	3 năm	40,000,000,000	6%	3 năm
Cộng	53,500,000,000	6%		53,500,000,000	6%	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 159.13.004.369260.TD.DN ngày 14/5/2013, hạn mức 220.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và máy móc thiết bị với tổng giá trị tài sản thế chấp là 303.749.000.000 đồng.
- Hợp đồng 162.13.004.320801.TD.DN ngày 14/5/2013 với ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hồ với hạn mức tối đa là 70.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định cụ thể trên từng kế ước nhận nợ. Thời hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.
- Hợp đồng số 161.13.004.467484.TD.DN ngày 14/5/2013 với hạn mức tối đa là 125.000.000.000 đồng. Mục đích khoản vay bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cố định hoặc thả nổi được quy định cụ thể trên từng kế ước nhận nợ. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản theo các hợp đồng thế chấp giữa Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, Công ty TNHH Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Smart window Việt Nam.

(2) Hợp đồng tín dụng số HKI-HĐTD/13113 ngày 05/8/2013 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay tối đa 12 tháng, mục đích theo từng lần cấp trư dụng, tài sản đảm bảo là hệ thống máy móc thiết bị lắp đặt tại Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á địa chỉ Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50 tại địa chỉ lô 36 đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Tân Bình, tp Hồ Chí Minh; và 02 dây truyền sản xuất thanh Profile của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lắp đặt tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á tại địa chỉ Khu Công nghiệp Châu Sơn, Phú Lý, Hà Nam theo Hợp đồng thế chấp số HKI-HĐTC/13114 ngày 02/08/2013.

- Hợp đồng tín dụng số HKI- HĐTD/14168 ngày 22/09/2014 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 220.000.000.000 VNĐ, lãi suất tại thời điểm giải ngân và thời hạn vay được quy định trên từng kế ước nhận nợ. Mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản bảo đảm là 02 dây chuyền sản xuất thanh profile, hiệu JH (Jinhu) model SJZ65/132+ YF240A, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 50, địa chỉ Lô 36, đường Tân Tạo, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa lô đất số D2, khu đô thị Nam Thăng Long , phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội với tổng giá trị tài sản bảo đảm là 63.237.900.000 đồng.

(3) Vay Ngân hàng Shinhanbank theo Hợp đồng tín dụng số SHBVN/TDH/2013/069 ngày 26/6/2013, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 đồng, mục đích vay dùng để tài trợ vốn lưu động, mở và thanh toán L/C trả ngay và trả chậm, lãi suất là lãi suất cơ bản tiền Việt Nam-đồng do ngân hàng Nhà nước quy định + 2% một năm, tài sản đảm bảo là hàng tồn kho tại kho của Công ty TNHH Nhựa Đông Á, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

(4) Vay Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng số 1103.2014/CMB/VPB-TDNĐA/01 ngày 11/03/2014 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với hạn mức tối đa là: 70.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; mở L/C nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất và phát hành các loại Bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu nhựa, Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp hàng hóa là hàng tồn kho luân chuyển; ký quỹ phát hành L/C với mức tiền tối thiểu bằng 5% giá trị của L/C.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

(5)- Hợp đồng cho thuê tài chính số 33.10.03/CTTC tháng 12/2010. Tài sản thuê là các máy thu hồi và nghiền nhựa, máy băm nhựa, máy in phun, cầu trục dầm đơn, máy ép phun, máy trộn nguyên vật liệu nhựa, máy in bóng, vân tẩm trần với tổng trị giá tài sản thuê là 2.191.916.000 VND, mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn thuê là 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố cộng biên độ 0,25%/tháng.

(5) Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.03/CTTC ngày 25/10/2011. Tài sản thuê là máy phụ trợ sản xuất thanh profile đồng bộ và 7 khuôn mẫu profile đồng bộ, trị giá gốc tính cho thuê là 2.732.730.000 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 48 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

(5) Hợp đồng cho thuê tài chính số 13.11.05/CTTC ngày 28/12/2011. Tài sản thuê là một dây chuyền sản xuất vật liệu tẩm nhôm nhựa tổng hợp Composite, trị giá gốc tính cho thuê là 6.655.587.400 VNĐ. Mục đích là phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, thời hạn thuê trong vòng 60 tháng. Lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 3 tháng một lần. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính NHTMCPNTVN công bố tại thời điểm giải ngân đầu tiên và thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 0,3%/tháng.

(5) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng cho thuê tài chính số 2013-00128-000, số 2013-00129-000 và số 2014-00164-000 với Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam về thuê máy ép thanh nhựa, máy lạnh - tháp tản nhiệt-máy bơm, máy đùn thanh nhựa PVC profile với thời hạn thuê 60 tháng, lãi suất thuê từ lãi suất 9,54%/năm đến 10,5%/năm và có thể được điều chỉnh trong suốt thời gian thuê. Tiền thuê được thanh toán trước mỗi tháng. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê sẽ được mua lại thiết bị với giá trị bằng 0,5% giá mua.

(6) Theo hợp đồng mua bán trái phiếu chuyển đổi ngày 20/12/2012, hai công ty Liên doanh Shide Việt Nam mua: 13.500.000.000, Janpan South East Asia Growth Fund L.P mua: 40.000.000.000, thời gian chuyển đổi là 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu chuyển đổi.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Phải nộp trong		Số đã thực nộp	01/01/2015
	30/06/2015	kỳ		
Thuế GTGT đầu ra	262,877,087	358,971,274	144,220,348	48,126,161
Thuế thu nhập DN				
Thuế thu nhập cá nhân	69,850,397	22,852,521	61,673,355	108,671,231
Thuế khác	62,984,860	65,984,859	75,795,963	72,795,964
Tổng cộng	395,712,344	447,808,654	281,689,666	229,593,356

13. Chi phí phải trả

30/06/2015

01/01/2015

VND

VND

Chi phí phải trả thuê văn phòng	1,376,100,000	1,376,100,000
Các khoản khác	152,576,042	92,576,042

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Tổng cộng		1,528,676,042	1,468,676,042	
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		30/06/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Tài sản thừa chờ xử lý			45,515,058	
Kinh phí công đoàn		30,290,983	1,428,000	
Bảo hiểm xã hội, y tế		8,822,161		
Bảo hiểm thất nghiệp			26,152,559	
Phải trả, phải nộp khác		27,002,962,716	26,995,306,371	
Tổng cộng		27,042,075,860	27,068,401,988	
15. Doanh thu chưa thực hiện		30/06/2015	01/01/2015	
		VND	VND	
Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Hà Nội			65,895,727	
Công ty CP Xây dựng Dân dụng Hà Nội		40,000,000	45,454,545	
Tổng cộng		40,000,000	111,350,272	
16. Vốn chủ sở hữu				
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			Đơn vị tính: VND	
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/14	137,500,000,000	4,050,000,000	(2,130,833,671)	139,419,166,329
Tăng vốn trong năm trước	-	70,500	-	70,500
Lãi trong năm trước	-	-	16,848,756,512	16,848,756,512
Chi trả cổ tức	-	-	(13,749,979,000)	(13,749,979,000)
Trích các quỹ	-	-	(2,593,766,072)	(2,593,766,072)
Giảm khác	-	-	(583,000,002)	(583,000,002)
Số dư tại ngày 31/12/14	137,500,000,000	4,050,070,500	(2,208,822,233)	139,341,248,267
Tăng vốn trong kỳ này	52,500,000,000	4,137,950,939	-	56,637,950,939
Lãi trong kỳ này	-	-	30,348,282,152	30,348,282,152
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(6,875,000,000)	(6,875,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	(10,565,078,784)	(10,565,078,784)
Giảm khác	-	-	(583,000,000)	(583,000,000)
Số dư tại ngày 30/06/15	190,000,000,000	8,188,021,439	10,116,381,135	208,304,402,574
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		30/06/2015	01/01/2015	
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát		57,296,520,000	34,999,250,000	
Nguyễn Bá Hùng		45,499,020,000	44,074,250,000	
Công ty Tam Sơn		17,875,000,000	13,750,000,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư FIT		11,250,000,000		
Cổ đông khác		58,079,460,000	44,676,500,000	
Cộng		190,000,000,000	137,500,000,000	
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	190,000,000,000	137,500,000,000
Vốn góp đầu năm	137,500,000,000	137,500,000,000
Vốn góp tăng trong năm	52,500,000,000	-
Vốn góp cuối năm	190,000,000,000	137,500,000,000

d) Cổ phiếu	30/06/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,000,000	13,750,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19,000,000	13,750,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19,000,000	13,750,000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	86	21
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86	21
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18,999,914	13,749,979
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18,999,914	13,749,979
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

17. Các quỹ của công ty

Đơn vị tính: VND

	30/06/2015	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2015
Quỹ đầu tư phát triển	9,337,748,287	7,608,570,905	-	1,729,177,382
Quỹ dự phòng tài chính			-	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,217,380,909	2,217,380,909	-	
Tổng cộng	11,555,129,196	9,825,951,814	-	1,729,177,382

Mục đích trích lập các quỹ của Công ty

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

- Quỹ khác của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong kỳ từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2/2015 VND	Quý 2/2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	61,820,165,508	42,879,345,562
Doanh thu cung cấp dịch vụ, lắp đặt	1,156,804,818	5,105,910,674
Tổng cộng	62,976,970,326	47,985,256,236
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý 2/2015	Quý 2/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

	VND	VND
Chiết khấu thương mại		
Hàng bán trả lại		
Tổng cộng	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 2/2015	Quý 2/2014
	VND	VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	61,820,165,508	42,879,345,562
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ, lắp đặt	1,156,804,818	5,105,910,674
Tổng cộng	62,976,970,326	47,985,256,236
4. Giá vốn hàng bán	Quý 2/2015	Quý 2/2014
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	59,355,774,718	41,935,887,493
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	1,156,804,818	5,105,910,674
Tổng cộng	60,512,579,536	47,041,798,167
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý 2/2015	Quý 2/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8,737,969	1,414,878
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29,919,611,412	23,246,000,834
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		141,890,889
Tổng cộng	29,928,349,381	143,305,767
6. Chi phí tài chính	Quý 2/2015	Quý 2/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1,004,828,182	570,557,427
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59,996,139	3,960,401
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Tổng cộng	1,064,824,321	574,517,828
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
<p>Trong quý 2/2015 chỉ tiêu chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp âm vì theo quyết định số :30/QĐ/DAG ban hành ngày 30/6/2015 theo đó các công ty con chịu chi phí phân bổ 81%, công ty mẹ chiếm 19% trong tổng chi phí.</p>		
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	01/01/2015 đến	01/01/2014 đến
	30/06/2015	30/06/2014
	VND	VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	137,867,795,813	26,764,532,296
Thu nhập được miễn thuế t	29,919,611,412	13,749,979
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-107,519,513,661	1,947

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1, CN5, Khu Công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Mẫu số BN09-DN (BH theo TT200/2014-TT-BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Chi phí bị loại khi tính thuế	362,812,264
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	791,483,004
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%
Chuyên lỗ từ các năm trước	791,483,004
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập	
Thuế thu nhập doanh nghiệp không được giảm	
Các khoản điều chỉnh thuế năm trước	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

	6 tháng đầu năm 2015
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	6,875,000,000

VIII Những thông tin khác

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 20/7/2015 Công ty đã thay đổi giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 8 với vốn điều lệ là 190.000.000.000 đồng.

3. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm 2015 được trình bày theo thông tư 200/TT-BTC của bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Người lập

Phí Thị Thúy Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Oanh

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

Nguyễn Bá Hùng